TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Bích Tuyền**

2. Ông **Nguyễn Đức Hòa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Kép** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên toà:* Bà **Dương Thị Tiểu My** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kỷ H – sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 167A, ấp 18, xã V, huyện H, tỉnh B (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Đình T – sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh B;

Tạm trú: Khóm K, phường N, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Kỷ H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh Phạm Đình T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng năm 2015, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng lối sống, quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ

đầu năm 2018 đến nay. Nay vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Hoa yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Đình T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Kỷ H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng năm 2015, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống cũng thường xuyên xảy ra bất đồng lối sống, quan điểm nhưng không đến mức trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay. Do còn thương chị H và muốn hàn gắn tình cảm, cho nên anh T không đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Quá trình chung sống không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai.

- Về nội dung vụ án: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Kỷ H và anh Phạm Đình T là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Kỷ H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Đình T, nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh T có địa chỉ cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét thấy anh Phạm Đình T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Hội đồng xét xử xét thấy chị Nguyễn Kỷ H và anh Phạm Đình T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2015, là có xảy ra trên thực tế, được hai bên đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, chị H và anh T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định pháp luật , việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý.

Theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Kỷ H và anh Phạm Đình T là vợ chồng.

[2] Về con chung; về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Kỷ H và anh Phạm Đình T xác định trong quá trình chung sống, anh chị không có con chung, không tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Kỷ H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Kỷ H và anh Phạm Đình T là vợ chồng.

2. Về con chung; về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Kỷ H và anh Phạm Đình T xác định trong quá trình chung sống, anh chị không có con chung, không tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị Nguyễn Kỷ H phải chịu 300.000 đồng. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007979 ngày 12/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Lam

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.